TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh ph

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2019
"về vụ ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Trí Trường**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Hồng Sen**
2/ ông ***Trần Văn Hưng***
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 544/2018/TLST –HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2018. Về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: **chị Nguyễn Thị Đ,** sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp Phú Long B, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
Bị đơn: **anh Nguyễn Hoài Ph**, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp Phú Long B, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Ph qua thời gian tìm hiểu tiến đến hôn nhân. Được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1999 sau đó đến ngày 30/12/2002 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh ph đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ph có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên đi nhậu với bạn bè. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Ph không thay đổi. Tôi đã nhiều lần cho anh Ph cơ hội thay đổi nhưng anh Ph không thay đổi, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Hoài Ph.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 25/02/2000 con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2002 khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, vì cháu H có bản khai ý kiến muốn được sống cùng tôi, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, tôi cam kết nếu có nợ chung trong thời kỳ hôn nh thì đồng ý trả theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn anh Nguyễn Hoài Ph vắng mặt có bản khai ý kiến với nội dung:

Tôi đã nhận được đơn yêu cầu ly hôn của Đ và các thủ tục giấy tờ do Tòa án gửi cho tôi, tôi có ý kiến như sau:

Về hôn nh: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 25/02/2000 con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2002 khi ly tôi tôn trọng ý kiến của con, con ở với ai người đó nuôi dưỡng, con ở với tôi tôi không cấp yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Con ở với Đ tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có

Ý kiến của đương sự tại tòa:

+ Chị Nguyễn Thị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn cùng anh Nguyễn Hoài Ph. Xin được nuôi cháu Nguyễn Ngọc H.

+ Cháu Nguyễn Ngọc H có ý kiến muốn được sống cùng chị Nguyễn Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

anh Nguyễn Hoài Ph có bản khai ý kiến và xin tòa án xét xử vắng mặt anh. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hoài Ph.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống vợ chồng của chị Đ và anh Ph không còn hạnh ph, mục đích hôn nh không đạt, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ.

[2.2]*Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 25/02/2000 con đã trưởng thành, anh Ph và chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xét. Cháu Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2002, anh Ph cũng đồng ý giao con cho chị Đ nuôi dưỡng, nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cháu Nguyễn Ngọc H cho chị Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3].Về tài sản chung: anh Ph và chị Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4].Về nợ chung: Anh Ph và chị Đ khai không có nợ chung và cam kết nếu có nợ chung thì sẽ đồng ý trả theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đ, chị Đ nộp toàn bộ tiền án phí hôn nh gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81,82,83 Luật hôn nh gia đình;

- ***Tuyên xử:***

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Hoài Ph.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2002 cho chị Nguyễn Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ *Về tài sản chung*: chị Đ và anh Ph tự thỏa thuận nên hội đồng xét xử không xem xét.

5/ *Về nợ chung*: Chị Đ và anh Ph khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét.

6/ *Về án phí***:** Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc chị Nguyễn Thị Đ nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nh sơ thẩm. Chị Đ đã nộp tạm ứng 300.000đồng theo lai thu số 0002001 ngày 18/12/2018 nên được khấu trừ. Chị Đ không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nh dân cùng cấp;
- THA dan sự huyện Long Hồ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Trường